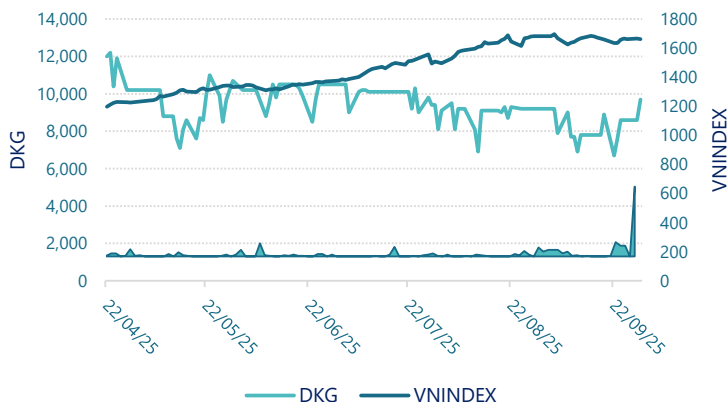




CTCP Tập đoàn DamiK (UPCOM: DKG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
SL cổ phiếu LH	14,575,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	205
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	141
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

53.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.80 | -3.3%

LN sau thuế

Q3/25

0.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.03 | 132%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.8%

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

160

tỷ VNĐ

LN sau thuế

9T 2025

-0.47

tỷ VNĐ

ROE

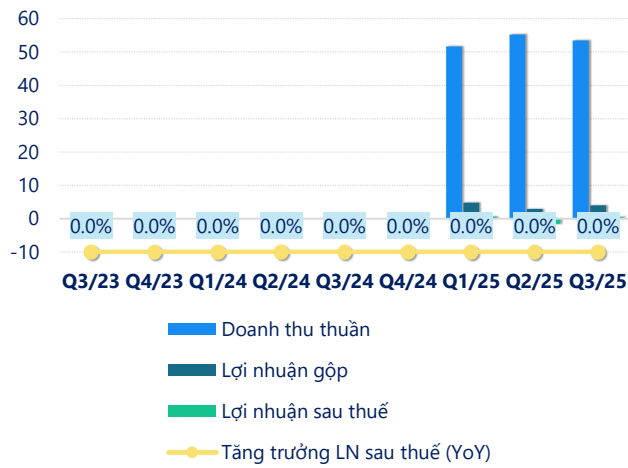
Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

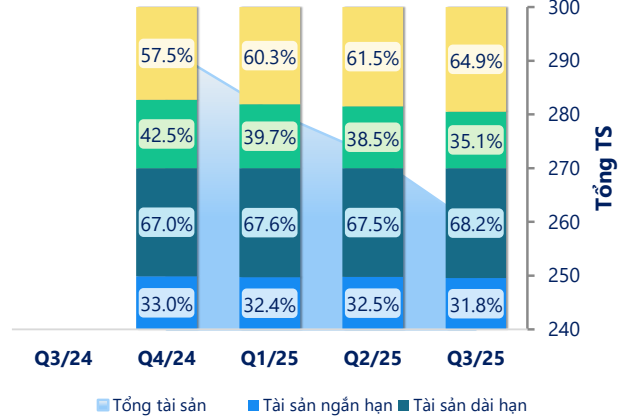
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

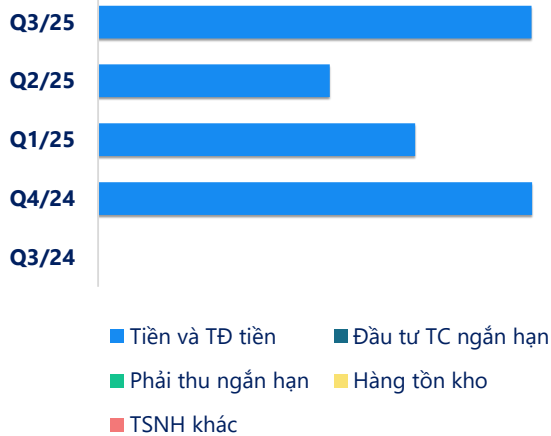
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



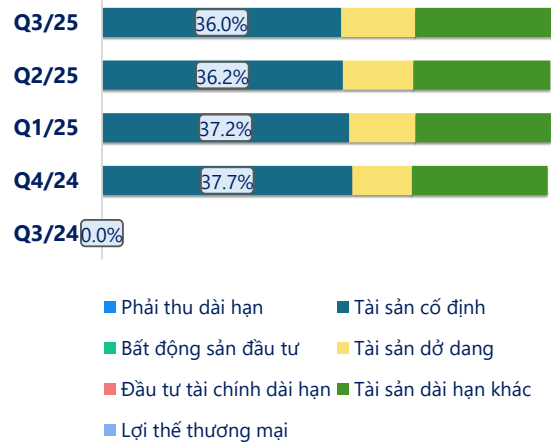
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

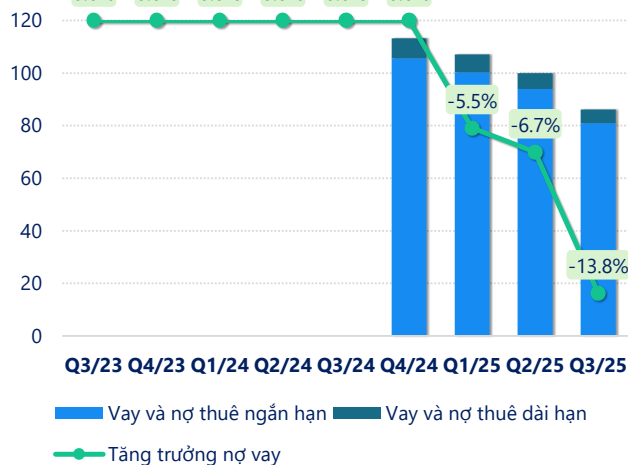
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

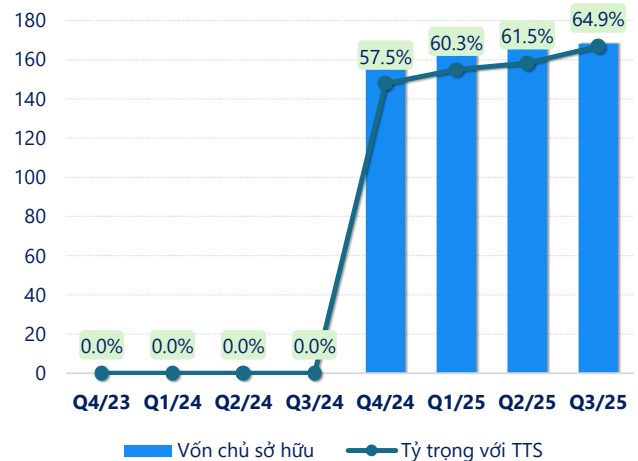
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

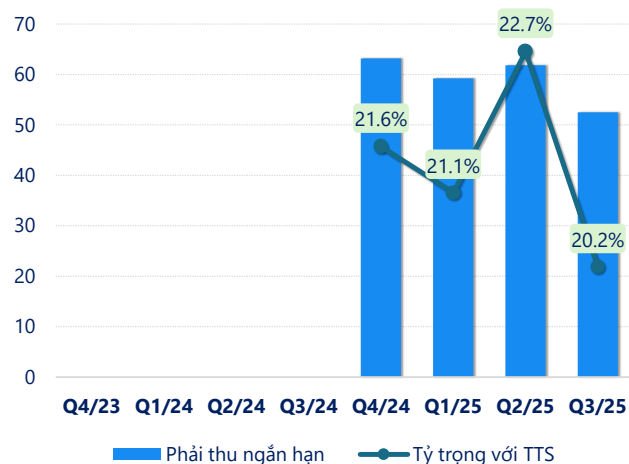
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



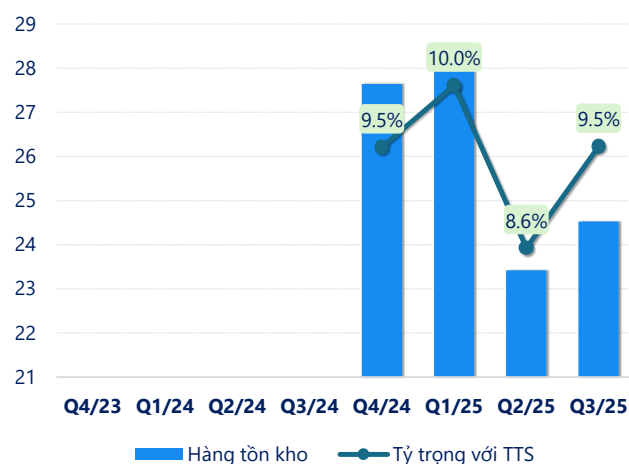
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


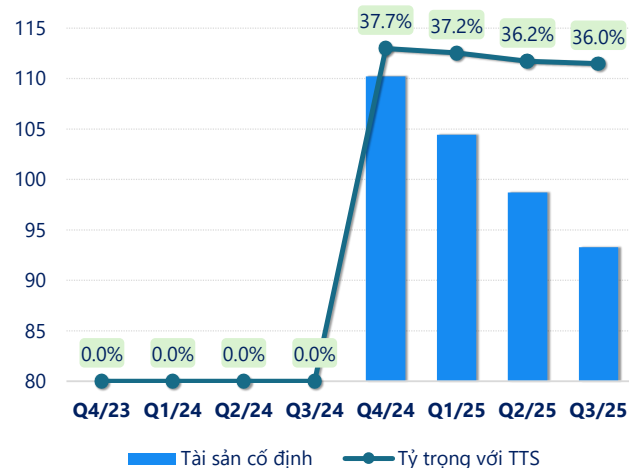
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


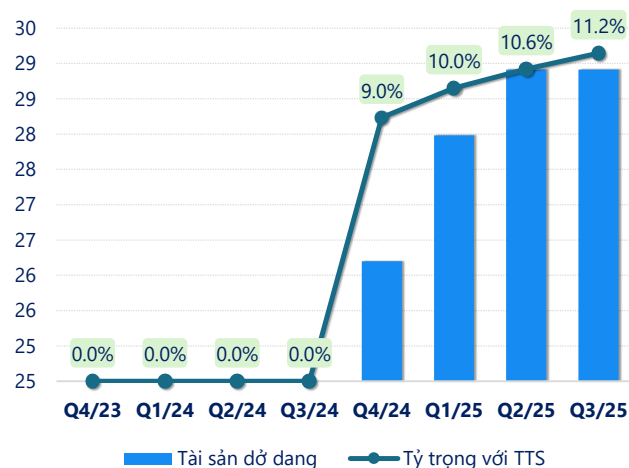
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

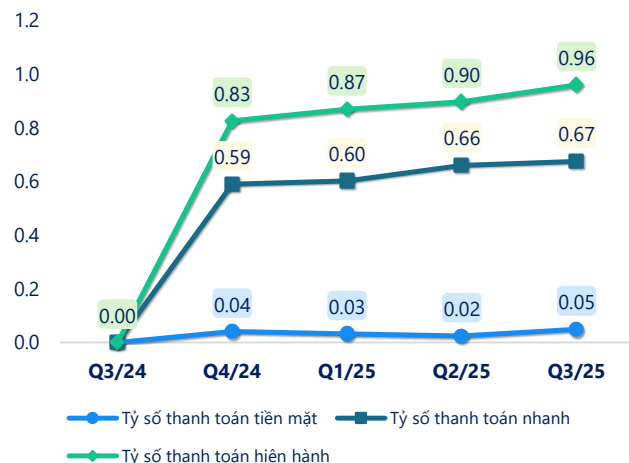
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

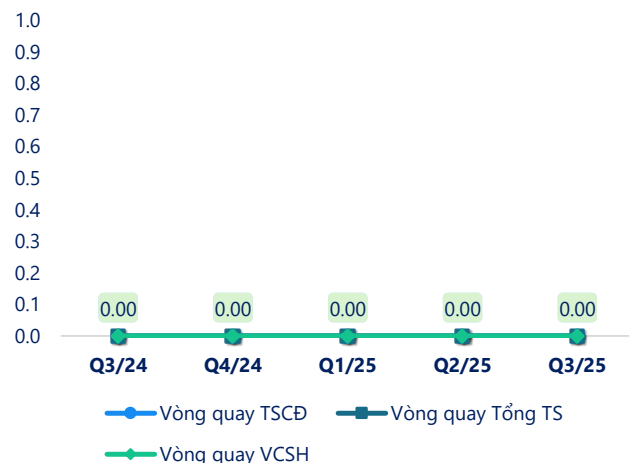
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản		292	281	272	259
Tài sản ngắn hạn		96.4	91.1	88.6	82.6
Tiền và tương đương tiền		4.77	3.35	2.37	4.23
Đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn		63.2	59.2	61.8	52.5
Hàng tồn kho		27.6	28.0	23.4	24.5
Tài sản ngắn hạn khác		0.77	0.49	1.03	1.31
Tài sản dài hạn		196	190	184	177
Phải thu dài hạn		0	0	0	0
Tài sản cố định		110	104	98.7	93.3
Bất động sản đầu tư		0	0	0	0
Tài sản dở dang		26.2	28.0	28.9	28.9
Đầu tư tài chính dài hạn		0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác		59.6	57.3	56.2	54.5
Lợi thế thương mại		0	0	0	0
Nợ phải trả		124	112	105	91.1
Nợ ngắn hạn		117	105	98.8	86.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn		106	100	93.9	81.0
Phải trả người bán ngắn hạn		4.50	1.80	1.81	1.24
Nợ dài hạn		7.67	6.82	5.97	5.12
Vay và nợ thuê dài hạn		7.67	6.82	5.97	5.12
Nguồn vốn chủ sở hữu		168	169	168	168
Vốn chủ sở hữu		168	169	168	168
Vốn điều lệ		144	144	144	144
Kinh phí và quỹ khác		0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)